TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 01/02/2018
V/v " Chia di sản thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hồng Loan**
- ***Các Hội thẩm nhân dân*:**
+ Ông **Phạm Xoa**
+ Ông **Huỳnh Thanh Trà**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 24 Hoàng Văn Thụ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2017/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc " Chia di sản thừa kế theo pháp luật " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Đồng Nguyên đơn*:**
- Cụ **Trần Ch** - sinh năm 1931
- Ông **Trần Quang Đ** - sinh năm: 1969
- Ông **Trần Quang Th** - sinh năm: 1970
Cùng địa chỉ: Số 79 Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Bà **Trần Công Nữ Thùy H** - sinh năm: 1964
Địa chỉ: Tổ 58, phường Thanh B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Bà **Trần Công Nữ Thùy L** - Sinh năm: 1966
Địa chỉ: K96/H17/11 H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Ông **Trần Quang L** - sinh năm: 1974
Địa chỉ: Số 07E Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Bà **Phùng Thị D**. Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Xã Hòa Ch, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Số 126 Văn Tiến D, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12.6.2017). Có mặt

**** Đồng Bị đơn:***

- Bà **Trần Công Nữ Thùy N** – sinh năm 1967. Có mặt
- Ông **Trần Quang Ph** - sinh năm: 1968. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 79 Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông **Lê Đình T.** sinh năm: 1960 và em Lê Trần Mỹ D, sinh năm: 2010. Người đại diện hợp pháp cho em D: Bà Trần Công Nữ Thùy N và ông Lê Đình T. (Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà **Lữ Thị Diệu M**, sinh năm: 1972; Bà **Trần Lữ Minh Nh**, sinh năm: 1995; em **Trần Lữ Minh H**, sinh năm: 2000; em **Trần Quang M**, sinh năm: 2011. Người đại diện hợp pháp cho các em H và em M là: Ông **Trần Quang Ph** và bà **Lữ Thị Diệu M**. (Vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19.6.2017, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là bà Phùng Thị D trình bày:

Cụ Hồ Thị Đ có cha là cụ Hồ L (chết năm 1994) và mẹ là cụ Trần Thị N (chết năm 2002). Năm 1963, cụ Hồ Thị Đ và cụ Trần Ch kết hôn với nhau và sinh được 07 người con. Gồm: Trần Công Nữ Thùy H, Trần Công Nữ Thùy N, Trần Công Nữ Thùy L, Trần Quang Ph, Trần Quang Đ, Trần Quang Th và Trần Quang L. Ngoài ra, cụ Hồ Thị Đ không có người con nuôi hay con riêng nào khác.

Trong quá trình chung sống, cụ Hồ Thị Đ và cụ Trần Ch có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 8, địa chỉ số 79 Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã được UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 604305 cấp ngày 13 tháng 01 năm 2006 do cụ Trần Ch và cụ Hồ Thị Đ đứng tên.

Năm 2013, cụ Hồ Thị Đ chết và không để lại di chúc. Sau Nhiều lần họp mặt gia đình để tiến hành thỏa thuận phân chia phần di sản thừa kế của cụ Hồ Thị Đ để lại trong khối tài sản chung với cụ Trần Ch thì các đồng thừa kế không đạt được sự thỏa thuận. Hiện tại giá trị tài sản chung của cụ Đ và cụ C tạm tính là 8.000.000.000 đồng. Phần của cụ Đ là 4.000.000.000 đồng. Như vậy chia đều cho các đồng thừa kế được hưởng tạm tính là 500.000.000 đồng.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 171401844/ĐNG ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định thẩm định Sài Gòn, Chi nhánh Đà Nẵng đối với tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: 79 Đ, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Chứng thư kết quả định giá như sau:

- Quyền sử dụng đất: số lượng 198.3m² giá trị 8.536.616.700 đồng

- Công trình xây dựng trên đất: 356.65m², giá trị 534.975.000 đồng

Tổng cộng 9.071.591.700 đồng (Bằng Chữ: chín tỷ không trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm đồng).

Như vậy, di sản của cụ Đ để lại có giá trị là: 9.071.591.700 đồng : 2 = 4.535.795.850 đồng.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Hồ Thị Đ để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là bà Phùng Thị D trình bày :

- Hiện nay, bà Nh và ông Ph chưa có nhà riêng để ở vì vậy để tạo điều kiện cho bà Nh, ông Ph có một chỗ ở mới, các đồng nguyên đơn gồm 6 người thống nhất trích kỷ phần thừa kế của mỗi người là 138.837.586.5 đồng x 6 = 833.025.519 đồng để hỗ trợ cho bà Nh. Tổng cộng kỷ phần của bà Nh được hưởng là 566.974.481 đồng + 833.025.519 đồng = 1.400.000.000 đồng; trích kỷ phần thừa kế của mỗi người là 338.837.586.5 đồng x 6 = 2.033.025.519 đồng để hỗ trợ cho ông Ph. Tổng cộng kỷ phần của ông Ph được hưởng là 566.974.481 đồng + 566.974.481 đồng = 2.600.000.000 đồng. Do cụ C có 1/2 giá trị nhà và đất nêu trên và có khả năng thanh toán cho các đồng thừa kế nên đề nghị Tòa án giao cho cụ C nhà và đất nêu trên, cụ C có nghĩa vụ thanh toán số tiền mà các đồng thừa kế được hưởng.

*** Theo bản tự khai nộp tại Tòa án ngày 21/7/2017 bị đơn ông Trần Quang Ph trình bày:**

Nguyên trước đây cha mẹ ông Ph là cụ Trần Ch và cụ Hồ Thị Đ, cùng sở hữu và sinh sống tại ngôi nhà 79 Đ (số 7E cũ), phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2001, cha mẹ ông Ph bán bớt 01 lô đất với diện tích 100m² (05m x 20m) cho ông Đặng Ngọc Phái với số tiền 1 tỷ đồng (tương đương 200 cây vàng lúc bấy giờ).

Trong khoảng thời gian này, cha mẹ ông Ph đã có cuộc họp gia đình và thống nhất chia tài sản cho các con như sau:

- Chị Trần Công Nữ Thùy H số tiền 50.000.000 đồng
- Chị Trần Công Nữ Thùy L số tiền 50.000.000 đồng
- Chị Trần Công Nữ Thùy N số tiền 50.000.000 đồng và 01 lô đất 40m²
- Mua cho Trần Quang Th 01 lô đất ở Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng với số tiền 170.000.000 đồng và cho thêm 70.000.000 đồng để xây dựng nhà ở.
- Mua cho Trần Quang L 01 lô đất ở Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng với số tiền 170.000.000 đồng và cho thêm 50.000.000 đồng để xây dựng nhà ở.
- Xây dựng cho Trần Quang Đ 01 ngôi nhà 02 tầng liền kề với lô đất của Trần Công Nữ Thùy N với diện tích hơn 40m².

Số đất còn lại sau khi chừa lối đi chung vào cho 02 nhà của chị Nh và Đức cha mẹ ông Ph xây dựng một ngôi nhà 02 tầng với diện tích 80m² cho vợ chồng ông Ph là Trần Quang Ph và Lê Thị Diệu Mỹ sinh sống cùng cha mẹ ông là cụ C và cụ Đa. Trong cuộc hợp tất cả đều thống nhất ngôi nhà này về sau sẽ thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Ph khi cha mẹ ông qua đời và làm nơi để thờ tự, không được mua bán, đổi chác. Nếu sau này vợ chồng ông cùng cực muốn bán ngôi nhà này thì phải có đầy đủ C ký của 07 anh chị em. Đây là nguyên lời cha mẹ ông đã nói trong cuộc họp lúc đó về việc phân chia tài sản khi còn sống và đồng ý thực hiện đến cha mẹ ông mất và các đời con cháu sau này. Tất cả anh chị em trong nhà ai cũng biết và đều đồng ý thực hiện và thực tế đã phân chia tài sản như trên.

Cũng vì tin tưởng cha mẹ và anh chị em trong gia đình và vợ chồng ông chỉ để ở và thờ tự hết đời này sang đời khác nên vợ chồng ông không làm một loại giấy tờ gì để ghi lại nôi dung thỏa thuận, thống nhất của gia đình ông lúc đó. Vì vậy ông Ph không có chứng cứ gì để chứng minh và nộp tại Tòa án.

Đến tháng 01.2013, mẹ ông là cụ Hồ Thị Đ lâm bệnh nặng và qua đời, đến nay đã 04 năm 06 tháng. Cha ông là cụ Trần Ch vẫn đang sống cùng với vợ chồng ông. Đến cuối tháng 6.2017, cha ông được em trai ông là Trần Quang L đón về sống cùng với ngôi nhà của cha mẹ ông cho em Lợi ở Hòa Minh. Thỉnh thoảng cha ông có về thăm nhà

Nay cha ông vì tuổi cao sức yếu, không còn minh mẫn , đã cùng với anh chị em của ông là H, L, Đ, Th, L là những người đã được thống nhất phân chia tài sản trước đó quay lại đòi phân chia tài sản lần thứ 2.

Ngôi nhà mặt tiền số 79 Đ, nơi vợ chồng ông sinh sống cùng cha ông đã được cha ông cho thuê mặt tiền phần trước và toàn quyền sử dụng số tiền đó từ trước đến nay.

Riêng ngôi nhà liền kề của em ông là Trần Quang Đ, sau khi sinh sống một thời gian vì công việc làm ăn nên vợ chồng em ông đã sang thuê nhà tại đường Ngô Quyền, Đà Nẵng để ở và thuận tiện trong công việc. Vì vậy, Đức đã cho thuê lại ngôi nhà mà cha mẹ ông chia cho tại số 79 Đ, Đà Nẵng từ cuối năm 2012 đến nay. Nếu như cha mẹ ông chưa thống nhất việc phân chia tài sản cho Đức như trước kia thì tại sao em ông lại toàn quyền sử dụng ngôi nhà và số tiền cho thuê nhà đó.

Thiết nghĩ khi còn sống bố mẹ ông đã thống nhất việc phân chia tài sản cho các con, cả bố mẹ và các anh chị em đều đã đồng ý. Việc quá tin tưởng vào bố mẹ và các anh chị em nên không lập thành văn bản việc phân chia tài sản, ông Ph nghĩ không ảnh hưởng đến sự thật khách quan trong việc phân chia tài sản này. Vì tin tưởng sẽ ở ngôi nhà này, chăm sóc bố mẹ khi tuổi già sức yếu và quan trọng hơn đây là nơi để dùng vào việc thờ cúng tổ tiên ông bà, đã thống nhất vợ chồng ông Ph là người quản lý, sử dụng vào việc ở và thờ tự nên không thể đem ra phân chia lại cho các anh chị em khác được nữa. Nếu không thống nhất việc chia tài sản như thế thì vợ chồng và các con của ông Ph không thể ở tại ngôi nhà này với cha mẹ ông từ trước tới nay như thế này.

Vì vậy, ông Ph không đồng ý việc phân chia tài sản lần thứ hai này vì cha mẹ ông đã phân chia rõ ràng 16 năm trước.Ngoài ra ngày 15/11/2017 ông Ph có đơn xin gia hạn 06 tháng kể từ ngày 15/11/2017 để dành dụm đủ tiền xin thẩm định lại.

Tại biên bản hòa giải ngày ngày 15/12/2017, ông Trần Quang Ph trình bày: Nếu cha ông muốn bán ngôi nhà trên với giá 11.000.000.000 đồng, thì ông Ph yêu cầu được nhận 2.600.000.000 đồng, đồng thời ông Ph yêu cầu được quyền giao dịch mua bán nhà và đất nêu trên trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 15/12/2017. Trường hợp nêu các đồng nguyên đơn không đồng ý thì ông Ph yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do mẹ ông để lại bằng hiện vật.

Ông Ph khẳng định trong thời gian gia đình ông sinh sống tại đây, gia đình ông không xây dựng, sửa Ca gì thêm trong nhà.

*** Tại bản tự khai ngày 12/7/2017 bà Trần Công Nữ Thùy N trình bày:**

Bà Nh thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Quang Ph. Bà không đồng ý phân chia di sản thừa kế do mẹ bà là cụ Hồ Thị Đ để lại vì khi mẹ bà còn sống, vào năm 2002 cha mẹ của bà đã cho bà 42m^2 đất và 50.000.000 đồng. Ngoài ra bà đầu tư thêm 50.000.000 đồng để xây dựng thành ngôi nhà riêng biệt. Khi xây dựng bà chưa lập gia đình.Hiện nay gia đình bà đang sinh sống tại đây. Tuy Nhên phần xây dựng này chưa được nhà nước công nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Công Nữ Nữ Thùy Nh trình bày: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, các đồng nguyên đơn và bà đã thỏa thuận cho bà được hưởng trong khối di sản thừa kế do mẹ bà để lại là 1.400.000.000 đồng. Bà không yêu cầu các đồng nguyên đơn phải thanh toán lại tiền xây dựng ngôi nhà là 100.000.000 đồng và cũng không có nguyện vọng chia di sản thừa kế bằng hiện vật. Ngoài ra con của bà là Lê Trần Mỹ Duyên còn nhỏ, sống phụ thuộc vào bà nên bà Nh đại diện cho con của bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Ngày 13/11/2017 bà Lữ Thị Diệu M gửi đơn đến Tòa án trình bày hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và xin gia hạn vụ án trong 06 tháng kể từ ngày 13/11/2017.

- Ngày 13/11/2017 bà Trần Lữ Minh Nh gửi đơn đến Tòa án trình bày hiện nay đang ở cử và xin gia hạn vụ án trong 04 tháng kể từ ngày 10/11/2017.

- Ngày 24/01/2018 Tòa án nhận được đơn của ông Lê Ngọc Th xác nhận: Trước đây ông Th có thuê nhà của ông Trần Quang Đ tại địa chỉ 79 Đ, Đà Nẵng để ở, nhưng hiện nay các bên đã chấm dứt hợp đồng. Khi sinh sống tại đây, ông Thống không xây dựng, sửa Ca gì nên không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Ngày 24/01/2018 Tòa án nhận được đơn của bà Dương Thị Kim Y xác nhận: Trước đây bà Yến có thuê nhà của cụ Trần Ch tại địa chỉ 79 Đ, Đà Nẵng để ở, nhưng hiện nay các bên đã chấm dứt hợp đồng. Trong quá trình thuê nhà, bà Yến không xây dựng, sửa Ca gì nên không có yêu cầu gì đối với tài sản nêu trên và đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Ngày 01/02/2018 ông Lê Đình T gửi đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trình bày quá trình sinh sống tại 79 Đ, Đà Nẵng ông không tham gia, xây dựng hoặc sữa gì cả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án xác định đây là vụ án chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

+ Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ tố tụng giữa những người tham gia tố tụng theo đúng Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thực hiện đúng theo Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

- HĐXX đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254 , 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 68,71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 651 của Bộ luật dân sự chia di sản của cụ Đcho các hàng thừa kế. Giao cho cụ Trần Ch tài sản nêu trên và cụ C có nghĩa vụ trích trả các kỷ phần cho các hàng thừa kế của cụ Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đồng nguyên đơn đều tự nguyện trích kỷ phần của mình cho bà Nh, ông Ph với số tiền là bà Nh được nhận 1,400.000.000 đồng (bao gồm cả kỷ phần bà Nh được nhận từ bà Đa) và ông Ph được nhận là 2.600.000.000 đồng (bao gồm cả kỷ phần ông Ph được nhận từ bà Đa). Nên Tòa án cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đồng nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn là ông Trần Quang Ph và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về di sản thừa kế:

Nhà và đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 8, địa chỉ số 79 Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do cụ Trần Ch và cụ Hồ Thị Đ (chết năm 2013) tạo lập, đã được UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 604305 cấp ngày 13 tháng 01 năm 2006 đứng tên cụ C, cụ Đa.

Cụ C và cụ Đsinh được 7 người con và hiện nay đều còn sống. Cụ Đkhông có con chung hay con ngoài giá thú nào. Cụ Hồ Thị Đ chết năm 2013 không để lại di chúc. Sau khi cụ Đchết thì cụ C, gia đình ông Ph, gia đình bà Nh và ông Đức sinh sống tại căn nhà này. Hiện nay ông Đức đi ở nơi khác. Theo đồng nguyên đơn trình bày sau Nhều lần họp mặt gia đình để tiến hành thỏa thuận phân chia phần di sản thừa kế của cụ Hồ Thị Đ để lại trong khối tài sản chung với cụ Trần Ch thì các đồng thừa kế không đạt được sự thỏa thuận, nên các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia lại di sản thừa kế của cụ Hồ Thị Đ để lại theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với Điều 650 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận. Theo kết quả chứng thư thẩm định giá nhà và đất nêu trên là 9.071.591.700 đồng (Bằng C: chín tỷ không trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm đồng). Đây là tài sản chung của cụ C và cụ Đa, nên di sản của cụ Đđể lại là 9.071.591.700 đồng : 2 = 4.535.795.850 đồng.

Đối với ý kiến của ông Ph cho rằng ngôi nhà và đất nêu trên các đồng thừa kế đã thống nhất để lại cho vợ chồng và các con ông là người quản lý, sử dụng vào việc ở và thờ tự, nhưng ông Ph không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

2.2. Về hàng thừa kế và kỷ phần.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồ Thị Đ gồm: Cụ Trần Ch, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th, bà Trần Công Nữ Thùy H , bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang L, bà Trần Công Nữ Thùy N và ông Trần Quang Ph.

Do vậy, căn cứ Điều 651 của Bộ luật dân sự hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đgồm có 8 người và được hưởng 8 kỷ phần bằng nhau.

Giá trị mỗi kỷ phần là 4.535.795.850 đồng : 8 = 566.974.481 đồng.

2.3. Về chia theo hiện vật:

Quá trình hòa giải tại Tòa án, ông Ph có nguyện vọng được nhận một phần hiện vật để có nơi thờ tự cụ Đa, HĐXX xét thấy nếu chia cho ông Ph diện tích đúng bằng phần giá trị được hưởng thì sẽ làm giảm đáng kể giá trị sử dụng nhà nên không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, giá trị 1/2 ngôi nhà nêu trên thuộc quyền sở hữu của cụ C, hiện nay cụ C đang sinh sống tại đây và trách Nhệm thờ tự cụ Đa. Trong các đồng thừa kế, cụ C là người có khả năng nhận ngôi nhà và đất nêu trên và thanh toán các kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại. Vì vậy cần giao toàn bộ nhà đất nêu trên cho cụ C sở hữu và sử dụng. Cụ C có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế là bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, bà Trần Công Nữ Thùy N, ông Trần Quang Ph,

ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L mỗi người là 566.974.481 đồng là phù hợp với Điều 660 của Bộ luật dân sự.

Tuy Nhên, tại phiên tòa các đồng nguyên đơn thống nhất tự nguyện trích một phần kỷ phần thừa kế của mình để hỗ trợ cho bà Nh vì hiện nay bà Nh chưa có nhà, cụ thể mỗi người trích 138.837.586.5 đồng cho bà Nh. Như vậy: 138.837.586.5 đồng x 6 = 833.025.519 đồng. Tổng cộng bà Nh được hưởng là: 833.025.519 đồng + 566.974.481 đồng = 1.400.000.000 đồng. Bà Nh đồng ý nhận số tiền này và không yêu cầu gì thêm. HĐXX thấy đây là sự thỏa thuận giữa các đồng nguyên đơn và bà Nh, phù hợp với pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn thống nhất tự nguyện trích một phần phần kỷ phần thừa kế của mình để hỗ trợ cho ông Ph vì hiện nay ông Ph chưa có nhà, cụ thể mỗi người trích 338.837.586.5 đồng cho ông Ph. Như vậy: 338.837.586.5 đồng x 6 = 2.033.025.519 đồng. Tổng cộng ông Ph được hưởng là: 2.033.025.519 đồng + 566.974.481 đồng = 2.600.000.000 đồng. Tuy ông Ph vắng mặt, nhưng HĐXX thấy đây là sự tự nguyện của các đồng nguyên đơn, phù hợp với pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Như vậy, sau khi trừ đi số tiền mà các đồng nguyên đơn trích ra từ kỷ phần của mình để hỗ trợ cho bà Nh và ông Ph thì cụ Trần Ch, bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L mỗi người được hưởng là : 566.974.481 đồng - (138.837.586.5 đồng + 388.837.586.5 đồng) = 89.299.308 đồng.

Hiện nay gia đình ông Trần Quang Ph và gia đình bà Trần Công Nữ Thùy N đang sinh sống tại địa chỉ trên. Theo ông Ph trình bày thì quá trình gia đình ông sinh sống tại đây, gia đình ông không xây dựng, sửa Ca gì; còn bà Nh cho rằng nếu được hưởng di sản thừa kế của cụ Đcộng với phần các đồng nguyên đơn hỗ trợ là 1.400.000.000 đồng thì bà không yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán lại số tiền đã xây dựng. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với đơn xin gia hạn của ông Trần Quang Ph, bà Lữ Thị Diệu M và bà Trần Lữ Minh Nh, Tòa án đã ra thông báo số 438/TB-TA ngày 22/11/2017 không chấp nhận yêu cầu.

Đối với ý kiến của ông Lê Đình T trình bày khi về sinh sống tại đây không xây dựng, sửa Ca gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với ý kiến của ông Lê Ngọc Th và bà Dương Thị Kim Y, HĐXX xét thấy ông Th và bà Yến không liên quan và không có tranh chấp gì về tài sản tại 79 Đ, Đà Nẵng nên Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu ông Trần Quang Ph, bà Lữ Thị Diệu M, em Trần Lữ Minh Nh, em Trần Lữ Minh H, em Trần Quang M, bà Trần Công Nữ

Thùy N, ông Lê Đình T và em Lê Trần Mỹ D đang sống tại địa chỉ nêu trên phải chuyển đi ở nơi khác và giao lại nhà và đất nêu trên cho ông Trần Ch quản lý.

2.4. Về án phí:

- Xét thấy cụ Trần Ch - sinh năm 1931, là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Hoàn lại cho cụ Trần Ch số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 9527 ngày 03/7/2017 tại Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L mỗi người phải chịu án phí theo giá ngạch đối với giá trị tài sản được nhận là : 89.299.308 đồng x 5% = 4.464.965 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Công Nữ Thùy H đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9532 ngày 03/7/2017, ông Trần Quang L đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9529 ngày 03/7/2017, bà Trần Công Nữ Thúy Lan đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9528 ngày 03/7/2017, ông Trần Quang Đ đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9530 ngày 03/7/2017 và ông Trần Quang Th đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9531 ngày 03/7/2017 tại Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà H, bà L, ông L, ông Đ, ông Th được nhận lại số tiền chênh lệch là 7.535.034 đồng.

- Bà Trần Công Nữ Thùy N phải chịu án phí theo giá ngạch đối với số tiền 1.400.000.000 đồng giá trị tài sản được nhận là: 36.000.000 đồng + (3% x 600.000.000 đồng) = 54.000.000 đồng.

- Ông Trần Quang Ph phải chịu án phí theo giá ngạch đối với số tiền 2.600.000.000 đồng giá trị tài sản được nhận là : 72.000.000 đồng + (2% x 600.000.000 đồng) = 84.000.000 đồng.

- Chi phí thẩm định giá là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng đồng) cụ Trần Ch, bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 650, 651 và 660 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn cụ Trần Ch, bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L đối với ông Trần Quang Ph, bà Trần Công Nữ Thùy N về việc " chia di sản thừa kế theo pháp luật."

- Xử: Cụ Trần Ch được quyền sở hữu và sử dụng nhà và đất ở tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 8, địa chỉ số 79 Đ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng được UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 604305 cấp ngày 13 tháng 01 năm 2006 đứng tên cụ Trần Ch, cụ Hồ Thị Đ.

Cụ Trần Ch có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được giao.

+ Cụ Trần Ch phải thanh toán cho bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L mỗi người là 89.299.308 đồng.

+ Cụ Trần Ch phải thanh toán cho bà Trần Công Nữ Thùy N số tiền 1.400.000.000 đồng.

+ Cụ Trần Ch phải thanh toán cho ông Trần Quang Ph số tiền 2.600.000.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên như đã thỏa thuận thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu ông Trần Quang Ph, bà Lữ Thị Diệu M, bà Trần Lữ Minh Nh, em Trần Lữ Minh H, em Trần Quang M, bà Trần Công Nữ Thùy N, ông Lê Đình T**.** em Lê Trần Mỹ D đang sống tại địa chỉ nêu trên phải chuyển đi ở nơi khác và giao lại nhà và đất nêu trên cho cụ Trần Ch quản lý.

+ Về án phí:

- Cụ Trần Ch được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho cụ Trần Ch số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 9527 ngày 03/7/2017 tại Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá trị tài sản được nhận là 4.464.965 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Công Nữ Thùy H đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9532 ngày 03/7/2017, ông Trần Quang L đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9529 ngày 03/7/2017, bà Trần Công Nữ Thúy Lan đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số

9528 ngày 03/7/2017, ông Trần Quang Đ đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9530 ngày 03/7/2017 và ông Trần Quang Th đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 9531 ngày 03/7/2017tại Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà H, bà L, ông L, ông Đ, ông Th được nhận lại số tiền chênh lệch là 7.535.034đ.

- Bà Trần Công Nữ Thùy N phải chịu án phí dân sự đối với giá trị tài sản được nhận là : 54.000.000 đồng.

- Ông Trần Quang Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được nhận 84.000.000 đồng.

- Chi phí thẩm định giá là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng đồng) cụ Trần Ch, bà Trần Công Nữ Thùy H, bà Trần Công Nữ Thùy L, ông Trần Quang Đ, ông Trần Quang Th và ông Trần Quang L tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

Án xö c«ng khai s¬ thÈm, đồng nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa pcã quyÒn kh¸ng c¸o trong h¹n 15 ngµy kÓ tõ ngµy tuyªn ¸n. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan